

dụng cá nhân, H1 đã dùng thủ đoạn gian dối, giới thiệu bản thân có nguồn cung cấp gỗ Hương nhập khẩu từ Châu Phi với giá rẻ rồi mời các Bị hại góp vốn để mua gỗ nhập khẩu để bán kiếm lời; Nhận tiền, hứa hẹn mua gỗ giá rẻ cho Bị hại. Sau đó bị cáo H1 không thực hiện như cam kết mà chiếm đoạt số tiền của các Bị hại để sử dụng, chi tiêu cá nhân hết, cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 200.000.000 đồng của chị Đào Thị N1: Khoảng đầu năm 2008, bị cáo Chu Mạnh H1 và chị Đào Thị N1 quen biết nhau do làm cùng tại Công ty cổ phần truyền thông HT có địa chỉ tại T5, quận L, thành phố H, sau khi nghỉ việc bị cáo H1 vẫn liên lạc với chị N1. Tháng 5/2018, bị cáo H1 gọi điện thoại cho chị N1 nói dối là có nguồn hàng 03 container gỗ Lim Châu Phi, tổng khối lượng khoảng 68m³, các container gỗ trên đang được lưu tại kho ở cảng H3 và đề nghị chị N1 tham gia góp vốn 200.000.000 đồng để cùng mua lô gỗ trên và cam kết sau 01 tháng bị cáo H1 sẽ bán lô gỗ trên, hoàn trả tiền gốc và chia tiền lãi cho chị N1. Tin là thật, ngày 28/6/2018, tại nhà chị N1 ở số 52 T6, phường N2, quận H4, thành phố H chị N1 đã đưa cho bị cáo H1 số tiền 200.000.000 đồng và viết giấy vay tiền với nội dung chị N1 cho bị cáo H1 vay số tiền 200 triệu đồng với mục đích để đầu tư kinh doanh gỗ nhập khẩu đưa H1 ký, việc giao tiền có anh Trần Văn T7 (Là chồng chị N1) chứng kiến. Do tin tưởng bị cáo H1 nên chị N1 viết là giấy vay tiền nhưng vẫn thể hiện việc chị N1 đưa tiền cho bị cáo H1 là góp tiền đầu tư mua gỗ cùng bị cáo H1 như bị cáo H1 nói. Sau đó, bị cáo H1 cũng đưa cho chị N1 01 giấy nhận tiền do bị cáo H1 viết sẵn với nội dung “Ngày 28/6/2018 nhận của chị N1 số tiền 200.000.000 đồng hợp tác kinh doanh gỗ”. Sau khi nhận tiền, bị cáo H1 không thực hiện như đã hứa hẹn mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Quá thời hạn thỏa thuận nhưng không thấy bị cáo H1 trả tiền, chị N1 nhiều lần yêu cầu bị cáo H1 trả lại tiền thì bị cáo H1 nại ra lý do chưa bán được lô gỗ nên không có tiền trả tiền cho chị N1 và nói dối chị N1 hiện lô gỗ mua chung đang để tại bãi gỗ của Công ty M1 (Địa chỉ Số 62 ngõ 654 N3, quận H4, thành phố H3). Chị N1 đi kiểm tra tại bãi gỗ của Công ty M1 không có lô gỗ như bị cáo H1 nói nên chị N1 đã yêu cầu bị cáo H1 trả lại tiền. Từ ngày 27/5/2019 đến ngày 26/7/2019, bị cáo H1 trả lại cho chị N1 số tiền 140.000.000 đồng (Số tiền này bị cáo H1 lừa đảo chiếm đoạt của anh Phạm Văn C và anh Đỗ Huy B). Sau khi biết số tiền bị cáo H1 trả do phạm tội mà có, chị N1 đã giao nộp lại cho Công an huyện P số tiền này, đồng thời làm đơn tố giác bị cáo H1 có hành vi chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng, đồng thời giao nộp giấy biên nhận tiền do bị cáo H1 viết khi nhận tiền.

* Tại Bản kết luận giám định số: 1058 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố H kết luận: Chữ viết, chữ ký của bị cáo Chu Mạnh H1 trên giấy vay tiền do chị N1 giao nộp với chữ ký, chữ viết đứng tên bị cáo Chu Mạnh H1 trên các mẫu so sánh là do cùng một người viết và ký ra.

* Tại Bản kết luận giám định số: 5035 ngày 01/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố H kết luận: Chữ viết, chữ ký của bị cáo Chu Mạnh H1

trên giấy nhận tiền do bị cáo H1 đưa cho chị N1 với chữ ký, chữ viết đứng tên bị cáo Chu Mạnh H1 trên các mẫu so sánh là do cùng một người viết và ký ra.

- Kết quả xác minh tại Công ty M1 (Địa chỉ Số 62 ngõ 654 N3, quận H4, thành phố H3): Chị Nguyễn Thị L1- Trưởng chi nhánh Công ty M1 tại H3 cho biết Công ty không giao dịch mua bán và quen biết bị cáo Chu Mạnh H1.

-Xác minh tại kho gỗ của Công ty M1 thuộc bãi gỗ H5 (Địa chỉ Lô KB 1-3 KCN M1, Đ2, Đ1, H4, thành phố H3) chị Lưu Thị N4 - kế toán kho và anh Trịnh Bá T2 - quản lý hoạt động kinh doanh nhập xuất gỗ của Công ty cho biết không có hoạt động, mua bán, giao nhận các công gỗ, nhận thanh toán từ bị cáo Chu Mạnh H1.

Tại Cơ quan điều tra, ban đầu bị cáo Chu Mạnh H1 khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị N1 như đã nêu trên. Tuy nhiên sau đó bị cáo H1 thay đổi lời khai là vay chị N1 số tiền 200.000.000 đồng để đầu tư kinh doanh, không phải để góp vốn mua bán gỗ nhập khẩu và đã trả lại số tiền này cho chị N1 (Không có giấy tờ biên nhận). Căn cứ vào lời khai ban đầu của bị cáo H1 là hoàn toàn tự nguyện cùng lời khai của chị N1, lời khai của anh Trần Văn T7 (Chồng chị N1), bản kết luận giám định giấy nhận tiền, biên bản xác minh, đủ căn cứ kết luận bị cáo H1 lừa đảo chiếm đoạt của chị N1 số tiền 200.000.000 đồng như đã nêu trên.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 890.000.000 đồng của anh Đỗ Huy B và 890.000.000 đồng của anh Phạm Văn C.

Khoảng tháng 4/2019, thông qua mạng xã hội zalo thì bị cáo Chu Mạnh H1 quen và biết anh Phạm Văn C, anh Đỗ Huy B làm nghề mua bán gỗ. Đến khoảng tháng 5/2019, do cần tiền chi tiêu và trả cho chị N1 nên bị cáo H1 nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh C và anh B bằng thủ đoạn gian dối tải hình ảnh các container gỗ hương Châu Phi trên mạng Internet rồi đăng lên mạng xã hội bằng tài khoản zalo của bị cáo H1, sau đó nhắn tin giới thiệu mời anh C và anh B mua lô hàng gỗ.

Ngày 26/5/2019, bị cáo H1 gửi qua tài khoản zalo cho anh C xem hình ảnh và thông tin 03 container gỗ Hương Nam Phi nhập khẩu với tổng khối lượng là 68,354m³ với giá 16 triệu đồng/m³ gỗ, trừ 2% hao hụt thì tổng giá tiền của lô gỗ là 1.071.800.000 đồng. Bị cáo H1 chào bán cho anh C mua. Tin là thật, anh C và anh B bàn nhau hùn tiền mua chung. Bị cáo H1 yêu cầu anh C đặt cọc trước 40 triệu đồng/1 container gỗ. Để tạo niềm tin cho anh C, bị cáo H1 đã nhờ chị Đào Thị N1 cho bị cáo H1 mượn số tài khoản 12410007555886 mở tại ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam của Công ty cổ phần thương mại và truyền thông T3 (Gọi tắt là Công ty T3) do chị N1 làm Giám đốc để anh B, anh C tin tưởng chuyển tiền đặt cọc tiền mua gỗ đến tài khoản Công ty T3. Bị cáo H1 nói với chị N1 khi nhận được tiền do khách hàng chuyển đến, bị cáo H1 sẽ trả nợ khoản tiền mà bị cáo H1 đã nhận của chị N1 trước đó, chị N1 đồng ý.

Ngày 27/5/2019, anh B chuyển số tiền 120.000.000 đồng đến tài khoản của Công ty T3 để đặt cọc mua 03 container gỗ của bị cáo H1. Nhận được tiền, H1 yêu cầu chị N1 rút và chuyển số tiền 110.000.000 đồng cho bị cáo H1, còn lại 10.000.000 đồng bị cáo H1 trả cho chị N1.

Ngày 06/6/2019, bị cáo H1 gửi tiếp qua tài khoản zalo hình ảnh và thông tin của 03 container gỗ Hương Nam Phi nhập khẩu có tổng khối lượng khoảng 73,6m³ với giá 13,5 triệu đồng/m³, tổng trị giá của lô gỗ trên là 994.400.000 đồng (Đã trừ 2% hao hụt) để giới thiệu bán cho anh C. Tin là thật, anh C và anh B đồng ý mua, bị cáo H1 yêu cầu đặt cọc 40 triệu đồng/1 container gỗ. Ngày 11/6/2019 và 12/6/2019, anh B chuyển số tiền 120.000.000 đồng đến tài khoản số 12410007555886 mở tại ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam của Công ty T3 để đặt cọc mua gỗ theo yêu cầu của bị cáo H1. Nhận được tiền, bị cáo H1 yêu cầu chị N1 rút tiền và chuyển số tiền 90.000.000 đồng cho bị cáo H1, còn lại 30.000.000 đồng bị cáo H1 trả cho chị N1.

Ngày 12/6/2019, bị cáo H1 tiếp tục gửi qua tài khoản zalo thông tin và hình ảnh để giới thiệu cho anh C mua thêm 01 container gỗ hương Nam Phi nhập khẩu có khối lượng 21,629m³ với giá 14 triệu đồng/m³, tổng trị giá lô gỗ trên là 293,7 triệu đồng (Đã trừ 3% hao hụt). Tin là thật, anh C và anh B đồng ý mua. Ngày 17/6/2019, anh B chuyển số tiền 40.000.000 đồng đến tài khoản số 12410007555886 mở tại ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam của Công ty T3 để đặt cọc mua lô gỗ trên của bị cáo H1. Nhận được tiền, chị N1 đã chuyển toàn bộ số tiền 40.000.000 đồng cho bị cáo H1.

Sau khi nhận tổng số tiền 280.000.000 đồng của anh C và anh B, bị cáo H1 hứa hẹn từ ngày 10/7/2019 đến ngày 15/7/2019 toàn bộ 07 container gỗ trên sẽ về đến cảng H3, thời gian lưu kho tại cảng khoảng 12 ngày, đến ngày 26 hoặc 27/7/2019 bị cáo H1 sẽ bàn giao đủ cho anh C 07 container gỗ hương Nam Phi nhập khẩu như thỏa thuận.

Ngày 10/7/2019, bị cáo H1 soạn và gửi vào tài khoản Zalo của anh C 01 bảng kê thanh toán tổng số tiền của 07 container gỗ là 2.314.884.787 đồng, trừ đi số tiền 280.000.000 đồng bị cáo H1 đã nhận đặt cọc trước đó, còn lại 2.034.884.787 đồng, bị cáo H1 yêu cầu anh C trả trước số tiền 1.500.000.000 đồng để làm giấy tờ mua bán, số tiền còn lại sẽ thanh toán nốt khi bị cáo H1 chở gỗ giao tại kho của anh C. Ngày 26/7/2019, anh B chuyển số tiền 1.500.000.000 đồng đến tài khoản số 12410007555886 mở tại ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam của Công ty T3 theo yêu cầu của bị cáo H1. Khi nhận được tiền, bị cáo H1 yêu cầu chị N1 rút và chuyển số tiền 1.400.000.000 đồng cho bị cáo H1, còn lại số tiền 100.000.000 đồng bị cáo H1 trả cho chị N1. Sau khi nhận tiền, bị cáo H1 không thực hiện như đã hứa hẹn mà sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Sau đó, anh C gọi điện thống nhất về thời gian giao nhận gỗ thì bị cáo H1 trả lời là chưa nhận được tiền do anh B chuyển đến thanh toán tiền mua gỗ nhưng bị cáo H1 vẫn hứa hẹn bàn giao 07 container gỗ cho anh C

vào chiều ngày 27/07/2019. Đến chiều ngày 27/7/2019, không thấy bị cáo H1 bàn giao gỗ như đã thỏa thuận, không liên lạc được với bị cáo H1, anh C liên lạc với chị N1 thì phát hiện H1 mượn tài khoản của Công ty T3 để nhận tiền, số tiền nhận được chị N1 đã chuyển cho bị cáo H1. Ngày 05/08/2019, anh C và anh B đến Công an huyện Phú Xuyên làm đơn tố cáo bị cáo Chu Mạnh H1 về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng số tiền bị cáo Chu Mạnh H1 chiếm đoạt của anh C và anh B là 1.780.000.000 đồng (Trong đó số tiền của anh C và anh B mỗi người là 890.000.000 đồng). Đến ngày 6/8/2019, bị cáo H1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra, ban đầu bị cáo Chu Mạnh H1 khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên. Bị cáo H1 khai đã lên mạng Internet tải hình ảnh 07 container gỗ để chào bán cho anh C với mục đích lấy tiền để trả nợ. Cơ quan điều tra đã thu giữ các hình ảnh lô gỗ và thông tin về 07 container gỗ từ tài khoản Zalo của bị cáo H1 gửi cho anh C. Ngoài ra, bị cáo H1 khai số tiền chiếm đoạt đã sử dụng 885.000.000 đồng để mua căn hộ 502, số nhà 25 ngõ 169 K, phường K, quận B1, thành phố H của anh Nguyễn Duy T5 (Sinh năm: 1966, HKTT: Số 10 ngõ 284 L2, quận T6, thành phố H) theo hợp đồng mua bán đã được công chứng giữa vợ chồng bị cáo Chu Mạnh H1 và Hà Thu T với anh T5 ngày 26/7/2019. Ngày 02/8/2019, bị cáo H1 sử dụng 300.000.000 đồng để mua 01 xe ô tô nhãn hiệu ZOTYE, biển kiểm soát 3838 (Đăng ký tại nước Lào) của một người đàn ông tên Sơn (Không biết về nhân thân, lai lịch cụ thể) nhưng không lập giấy tờ mua bán. Số tiền còn lại bị cáo H1 sử dụng chi tiêu cá nhân và trả nợ hết. Sau khi ra đầu thú, bị cáo H1 và gia đình tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra hợp đồng mua bán nhà, 01 xe ô tô BKS 3838 như đã nêu trên và 75.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Quá trình điều tra bị cáo H1 thay đổi lời khai, bị cáo H1 khai đã lấy thông tin lô gỗ từ anh Phạm Thanh S1 (Địa chỉ: Số 39 phố Đ3, thành phố V, tỉnh N7) để giới thiệu cho anh B và anh C. Sau khi nhận tiền đặt cọc từ anh B, bị cáo H1 đã đặt hàng mua gỗ của anh S1 để bán cho anh C, anh B nhưng không ký hợp đồng mua bán. Sau khi nhận tiền từ chị N1, bị cáo H1 tự bỏ ra thêm số tiền 140 triệu đồng để chuyển cho Sơn tổng số tiền 1,78 tỷ đồng (Không có giấy tờ biên nhận) đặt mua gỗ cho anh B, anh C và thỏa thuận với Sơn đến ngày 27/7/2019 sẽ nhận bàn giao gỗ nhưng không lập giấy tờ ghi nhận.

- Tiến hành xác minh về người tên “Phạm Thanh S1” ở địa chỉ: Số 39 phố Đ3, thành phố V, tỉnh N7: Công an phường H6, thành phố V, tỉnh N7 cung cấp: Qua rà soát trên địa bàn phường không có ai là Phạm Thanh S1 có nhân thân, lai lịch như trên.

- Đối với 07 container gỗ bị cáo H1 khai nêu trên, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh như sau:

+ Xác minh tại Chi cục hải quan cửa khẩu H3 khu vực 3: Qua rà soát có 01/07 container gỗ bị cáo H1 khai được Công ty TNHH A1 (Địa chỉ: Thôn A2, xã

A3, huyện H7, thành phố H) khai báo làm thủ tục nhập khẩu ngày 06/6/2019. Xác minh tại Công ty TNHH A1: Công ty có nhập khẩu 01 container gỗ tại Chi cục hải quan cửa khẩu H3 khu vực 3 và đã bán container gỗ trên, người mua không phải là bị cáo Chu Mạnh H1 và Phạm Thanh S1.

+ Xác minh tại Chi cục hải quan cửa khẩu H3 khu vực 2: Qua rà soát có 02/07 container gỗ được Công ty TNHH A1 (Địa chỉ: Thôn A2, xã A3, huyện H7, thành phố H) khai báo làm thủ tục nhập khẩu ngày 14/7/2019; 03/07 container gỗ bị cáo H1 khai được Công ty TNHH đầu tư thương mại quốc tế H8 (Địa chỉ: Số 12 K1, phường T8, quận T, thành phố H) khai báo làm thủ tục nhập khẩu ngày 26/6/2019. Xác minh tại Công ty TNHH A1 và Công ty TNHH đầu tư thương mại quốc tế H8: Cả hai Công ty có nhập khẩu 05 container gỗ tại Chi cục hải quan cửa khẩu H3 khu vực 2 và đều đã bán 05 container gỗ trên, người mua không có ai tên là bị cáo Chu Mạnh H1 và Phạm Thanh S1.

+ Xác minh tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đ2: Qua rà soát có 01/07 container gỗ được Công ty TNHH xuất nhập khẩu gỗ Châu Phi (Địa chỉ: Tầng 4 số 301, đường 72, tổ dân phố T8, phường D, quận H9, thành phố H) khai báo làm thủ tục nhập khẩu ngày 15/7/2019. Xác minh tại Công ty TNHH xuất nhập khẩu gỗ Châu Phi: Công ty có nhập khẩu 01 container gỗ tại Chi cục hải quan cửa khẩu cảng Đ2 và đã bán container gỗ trên, người mua không có ai tên là bị cáo Chu Mạnh H1 và Phạm Thanh S1.

Căn cứ vào biên bản đầu thú, lời khai ban đầu tự nguyện của bị cáo H1 cùng lời khai các bị hại, lời khai của chị N1, biên bản xác minh cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận bị cáo Chu Mạnh H1 lừa đảo chiếm đoạt của anh C và anh B số tiền 1.780.000.000 đồng.

* Về trách nhiệm dân sự: Ngày 01/2/2020, Cơ quan điều tra Công an thành phố H đã trao trả số tiền 215.000.000 đồng cho chủ sở hữu là anh C và anh B, hai anh yêu cầu bị cáo H1 trả lại số tiền chiếm đoạt còn lại là 1.565.000.000 đồng. Chị N1 yêu cầu bị cáo H1 trả lại số tiền 200.000.000 đồng đã chiếm đoạt.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 442/2020/HS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Chu Mạnh H1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Chu Mạnh H1 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/08/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/12/2020, bị cáo Chu Mạnh H1 kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Chu Mạnh H1 giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị giảm hình phạt vì cho rằng bản thân cũng bị đối tượng Phạm Thanh S1 lừa đảo chiếm đoạt số tiền bị cáo đã nhận của các bị hại. Bị cáo là lao động chính trong gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đánh giá ý chí chủ quan của bị cáo vẫn mong muốn mua được gỗ cho các bị hại, bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã tích cực tác động đến gia đình để bồi thường một phần cho các bị hại để vận dụng quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 14 năm tù là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới đáng kể nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Chu Mạnh H1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Bị cáo Chu Mạnh H1 nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị cáo Chu Mạnh H1 được thực hiện trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa thể hiện: Để có tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo Chu Mạnh H1 đã dùng thủ đoạn gian dối, tự giới thiệu với chị Đào Thị N1 hiện có nguồn hàng 03 container gỗ lim Châu Phi, tổng khối lượng khoảng 68m³ đang được bảo quản tại kho ở cảng H3 và đề nghị chị N1 tham gia góp vốn cùng mua để bán kiếm lời. Bị cáo H1 cam kết sau 01 tháng kể từ ngày góp vốn, bị cáo sẽ bán lô gỗ trên và hoàn trả tiền gốc cùng với tiền lãi cho chị N1. Tin là thật, ngày 28/6/2018, chị N1 đưa cho bị cáo H1 số tiền 200.000.000 đồng để mua gỗ. Sau khi nhận tiền, bị cáo H1 không thực hiện như hứa hẹn mà chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân.

Ngoài ra, bị cáo H1 tải trên mạng internet các thông tin, hình ảnh về 03 lô gỗ gồm 07 container với tổng khối lượng 163,538m³ gỗ hương châu Phi nhập khẩu, sử dụng những hình ảnh này để giới thiệu là của mình và hứa bán rẻ cho anh Phạm Văn C và anh Đỗ Huy B. Tin là thật, từ ngày 27/5/2019 đến ngày 26/7/2019, anh C và anh B đã chuyển cho bị cáo H1 số tiền 1.780.000.000 đồng để mua gỗ của bị cáo. Sau khi nhận tiền, bị cáo H1 không thực hiện như cam kết mà chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân. Sau khi bị tố cáo, bị cáo H1 đã trả lại cho anh C và anh B số tiền 215.000.000 đồng.

[3] Trong quá trình điều tra, xét xử, bị cáo Chu Mạnh H1 cho rằng hành vi của bị cáo chỉ là tiền góp vốn để kinh doanh nhưng bị cáo thừa nhận bản thân không có giấy phép kinh doanh mua bán gỗ, không có cơ sở kinh doanh mua bán gỗ, những hình ảnh, thông tin về các container gỗ bị cáo giới thiệu với các bị hại để chào bán là bị cáo tải trên mạng internet, không phải tài sản của bị cáo.

Như vậy, đây là thủ đoạn gian dối nhằm tạo lòng tin của người khác đối với bị cáo để họ giao tiền cho bị cáo. Sau khi nhận tiền của chị Đào Thị N1, anh Phạm Văn C và anh Đỗ Huy B, bị cáo không thực hiện được việc giao hàng như đã cam kết, không trả lại tiền cho các bị hại. Hành vi của bị cáo Chu Mạnh H1 là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác và ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây bức xúc cho dư luận. Tổng số tiền bị cáo Chu Mạnh H1 lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại là 1.980.000.000 đồng. Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, không oan.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt bị cáo Chu Mạnh H1 thì thấy: Bị cáo bị truy tố, xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” nên thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tiền của các bị hại nên phải vận dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tòa án sơ thẩm đã xem xét việc bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tích cực tác động đến gia đình để bồi thường 75.000.000 đồng nhằm khắc phục một phần hậu quả đã gây ra, một phần tiền bị cáo chiếm đoạt chưa sử dụng đã bị bắt giữ và được trả lại cho bị hại để vận dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 14 (Mười bốn) năm tù là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nào đáng kể nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo Chu Mạnh H1.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Chu Mạnh H1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo Chu Mạnh H1; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 442/2020/HS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Chu Mạnh H1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Chu Mạnh H1 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/08/2019.

2. Bị cáo Chu Mạnh H1 phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện trưởng VKSNDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Vụ 1 TANDTC;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Công an thành phố H;
- Cục THADS thành phố H;
- Bị cáo (qua trại);
- Người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, TACC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mai